

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH: VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2010/QĐ-UBND

*Huế, ngày 23 tháng 8 năm 2010***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy định về quản lý các dự án đầu tư không có xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của tỉnh Thừa Thiên Huế****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 07 năm 1999 của Chính phủ về Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1018/TTr-SKHĐT ngày 19 tháng 07 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý các dự án đầu tư không có xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Huế và thị xã Hương Thủy; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Cao

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về quản lý các dự án đầu tư không có xây dựng công trình
sử dụng vốn ngân sách nhà nước của tỉnh Thừa Thiên Huế**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2010/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc tổ chức quản lý và thực hiện các công tác quản lý các dự án đầu tư phát triển không nhằm mục đích kinh doanh đối với:

a) Các dự án đầu tư không có xây dựng công trình, dự án đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị lẻ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước của tỉnh.

b) Các dự án không có xây dựng công trình, dự án đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị lẻ và dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó vốn ngân sách nhà nước của tỉnh chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên hoặc lớn nhất trong tổng mức đầu tư của dự án. Trường hợp sau khi điều chỉnh dự án đầu tư, tỷ lệ vốn ngân sách nhà nước thay đổi, phương thức quản lý dự án vẫn áp dụng theo phương thức quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước của tỉnh.

2. Các dự án đầu tư và một số công việc không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này (quản lý theo quy định riêng):

a) Dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, NGO.

b) Dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc diện bí mật quốc gia.

c) Các dự án, kế hoạch chi thường xuyên từ nguồn vốn ngân sách chi sự nghiệp (trừ trường hợp các dự án sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước).

d) Các dự án thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia và một số chương trình, dự án hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu.

đ) Các dự án đầu tư trong khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô và khu kinh tế cửa khẩu A Đốt do Ban quản lý khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô trực tiếp quản lý vốn.

e) Công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

g) Công tác quản lý đấu thầu các dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước mà tỉ lệ vốn nhà nước chiếm ít hơn 30% tổng mức đầu tư của dự án.

h) Các dự án nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật.

i) Các dự án mua sắm tài sản nhà nước; thuê trụ sở làm việc, tài sản khác phục

vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 14g/2010/NQ-HĐND ngày 23 tháng 07 năm 2010 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước; tổ chức quản lý, thực hiện các dự án đầu tư và có các hoạt động, công việc thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại khoản 1 Điều 1 quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ủy ban Nhân dân cấp huyện: Ủy ban Nhân dân các Huyện, thành phố Huế và thị xã Hương Thủy.

2. Ủy ban Nhân dân cấp xã: Ủy ban Nhân dân thị trấn, Ủy ban Nhân dân phường hoặc Ủy ban Nhân dân xã.

3. Dự án nhóm A, B, C: là các dự án đầu tư được phân nhóm dự án theo qui định như sau.

a) Đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin được phân loại thành các nhóm A, B, C để quản lý. Đặc trưng mỗi nhóm được quy định trong phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Đối với dự án đầu tư không có xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước được phân loại thành 3 nhóm A, B, C để phân cấp quản lý. Đặc trưng mỗi nhóm được quy định trong phụ lục, có sửa đổi về mức vốn nhóm A, B ban hành kèm theo Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ.

4. Dự án đầu tư: tập hợp những đề xuất có liên quan đến việc bỏ vốn để tạo mới, mở rộng hoặc cải tạo những cơ sở vật chất nhất định nhằm đạt được sự tăng trưởng về số lượng hoặc duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng của sản phẩm hoặc dịch vụ trong khoảng thời gian xác định (chỉ bao gồm hoạt động đầu tư trực tiếp).

5. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi: hồ sơ xin chủ trương đầu tư được lập theo quy định đối với các dự án đầu tư không có xây dựng công trình để cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư.

6. Báo cáo nghiên cứu khả thi: dự án đầu tư được lập theo quy định đối với các dự án không có xây dựng công trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin.

7. Báo cáo đầu tư: hồ sơ dự án đầu tư rút gọn trong đó chỉ đặt ra các yêu cầu cơ bản theo quy định đối với các dự án không có xây dựng công trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin có tổng mức đầu tư từ 3 tỷ đồng trở xuống, dự án mua sắm máy móc, thiết bị lẻ.

8. Dự án khả thi ứng dụng công nghệ thông tin: dự án đầu tư được lập theo quy định đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin thuộc dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A;

Chương II QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 4. Chủ đầu tư dự án đầu tư

Chủ đầu tư dự án đầu tư phải được cấp có thẩm quyền quyết định trong thống nhất chủ trương đầu tư trước khi lập dự án, phù hợp quy định của Luật Ngân sách; việc xác định chủ đầu tư thực hiện như sau:

1. Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ: Chủ đầu tư dự án là Ủy ban Nhân dân tỉnh. Ủy ban Nhân dân tỉnh ủy quyền cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh có đủ điều kiện, năng lực tổ chức thực hiện một phần nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư.

2. Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban Nhân dân các cấp:

a) Chủ đầu tư các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách đầu tư phát triển là đơn vị quản lý, sử dụng nếu có đủ điều kiện để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư.

b) Trường hợp chưa xác định được đơn vị quản lý, sử dụng hoặc đơn vị quản lý, sử dụng không đủ điều kiện làm chủ đầu tư thì người quyết định đầu tư có thể giao cho đơn vị có đủ điều kiện làm chủ đầu tư. Trong trường hợp đơn vị quản lý, sử dụng không đủ điều kiện làm chủ đầu tư thì đơn vị sẽ quản lý, sử dụng có trách nhiệm cử người tham gia vào Ban Quản lý dự án của công trình với tư cách Phó Giám đốc Ban, tham gia với chủ đầu tư trong việc tổ chức lập dự án, thiết kế, theo dõi, quản lý, nghiệm thu và tiếp nhận đưa các hạng mục của dự án vào khai thác, sử dụng.

c) Trường hợp không xác định được chủ đầu tư theo quy định tại điểm b khoản này thì người quyết định đầu tư có thể uỷ thác cho đơn vị khác có đủ điều kiện làm chủ đầu tư hoặc đồng thời làm chủ đầu tư.

d) Các đơn vị sự nghiệp công lập là chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn bằng nguồn thu sự nghiệp để lại theo quy định về đầu tư cơ sở vật chất của đơn vị.

đ) Các trường hợp khác, Ủy ban Nhân dân các cấp xem xét quyết định đối với từng dự án đầu tư cụ thể phù hợp với phương thức đầu tư và quy mô của dự án.

Điều 5. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư

1. Thực hiện theo quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh về công tác quy hoạch và quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Kế hoạch vốn đầu tư được Ủy ban Nhân dân các cấp phân bổ theo khả năng cân đối vốn và tiến độ thực hiện của từng dự án nhưng không quá 2 năm đối với dự án đầu tư nhóm C, không quá 4 năm đối với dự án đầu tư nhóm B.

Điều 6. Chủ trương đầu tư

1. Trường hợp dự án ứng dụng công nghệ thông tin nhóm A chưa nằm trong kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin được duyệt, hoặc chưa có quyết định chủ trương đầu tư thì trước khi lập dự án phải được Thủ tướng Chính phủ xem xét, đồng ý về chủ trương đầu tư. Việc xem xét chủ trương đầu tư được thực hiện theo quy chế làm việc của Chính phủ.

2. Trường hợp dự án đầu tư không có xây dựng công trình nhóm A chưa có

trong quy hoạch được duyệt hoặc chưa có văn bản quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền, chủ đầu tư phải lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và thông qua báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

3. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp thống nhất chủ trương đầu tư các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách do Ủy ban Nhân dân các cấp quản lý trên cơ sở đề xuất của cơ quan chủ trì tham mưu chủ trương đầu tư trực thuộc Ủy ban Nhân dân các cấp. Trường hợp các dự án đầu tư có yêu cầu đột xuất, cấp bách, cần thiết, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp trực tiếp quyết định chủ trương đầu tư bằng văn bản theo thẩm quyền.

4. Các dự án đầu tư được xem đã có chủ trương đầu tư:

a) Các dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư phát triển đã có quyết định giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền.

b) Các dự án sử dụng vốn sự nghiệp có danh mục giao vốn hàng năm của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

5. Cơ quan đề xuất chủ trương đầu tư: các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh, Ủy ban Nhân dân cấp huyện (đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh), các phòng chuyên môn trực thuộc Ủy ban Nhân dân cấp huyện, Ủy ban Nhân dân cấp xã (đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện), bộ phận chuyên môn Ủy ban Nhân dân cấp xã (đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp xã) và đơn vị quản lý, sử dụng công trình.

Cơ quan đề xuất chủ trương đầu tư căn cứ vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm đã được Hội đồng Nhân dân cùng cấp thông qua, các quy hoạch phát triển ngành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để nghiên cứu, đề xuất các dự án đầu tư trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp thống nhất chủ trương đầu tư dự án bằng văn bản hoặc xem xét quyết định trong kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư hàng năm.

6. Cơ quan chủ trì tham mưu chủ trương đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh), Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện (đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện), bộ phận chuyên môn Ủy ban Nhân dân cấp xã (đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp xã) là đầu mối tiếp nhận, thẩm tra, tham mưu Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp xem xét thống nhất chủ trương đầu tư.

Điều 7. Lập dự án đầu tư

1. Các dự án ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện như sau:

a) Đối với các dự án quan trọng quốc gia và các dự án nhóm A, Chủ đầu tư tổ chức lập dự án khả thi ứng dụng công nghệ thông tin;

b) Đối với dự án nhóm B, C, chủ đầu tư tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi;

c) Đối với dự án nhóm C có mức vốn đầu tư từ 3 tỷ đồng trở xuống chỉ phải lập báo cáo đầu tư.

2. Các dự án đầu tư khác không có xây dựng công trình thực hiện như sau:

a) Các dự án đầu tư nhóm A đã có trong quy hoạch được duyệt hoặc đã có văn bản chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền thì không phải lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi mà lập ngay báo cáo nghiên cứu khả thi.

Đối với dự án đầu tư nhóm B chủ đầu tư tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi, nếu xét thấy cần thiết phải lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

b) Các dự án đầu tư có tổng mức vốn đầu tư dưới 3 tỷ đồng không phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi mà chỉ lập báo cáo đầu tư, thiết kế và dự toán;

c) Các dự án đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị lẻ không phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi mà chỉ lập báo cáo đầu tư và dự toán chi phí.

3. Trên cơ sở quy mô đầu tư đã được cấp có thẩm quyền thống nhất, chủ đầu tư tổ chức lập nhiệm vụ khảo sát và tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán khảo sát, lập dự án đầu tư để tiến hành tổ chức lựa chọn tư vấn khảo sát và lập dự án theo quy định của Luật Đấu thầu hiện hành;

4. Trong quá trình lập dự án đầu tư, nếu thông tin đã được cung cấp đầy đủ, đảm bảo để chủ đầu tư lập hồ sơ dự án đầu tư thì không phải thỏa thuận với các cơ quan quản lý liên quan. Các danh mục máy móc, thiết bị trong dự án đầu tư phải thu thập thông tin về giá bằng các báo giá của các nhà cung cấp.

5. Thời hạn lập dự án đầu tư: nhóm C không quá 3 tháng, nhóm B không quá 05 tháng, nhóm A không quá 12 tháng kể từ khi có quyết định giao vốn chuẩn bị đầu tư.

Trường hợp thời gian lập dự án đầu tư kéo dài hơn so với Quy định này, chủ đầu tư phải có văn bản báo cáo nêu rõ thời gian cần thiết để lập xong dự án đầu tư trình người quyết định đầu tư chấp thuận trước khi lập dự án đầu tư.

Điều 8. Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo đầu tư

1. Cơ quan, tổ chức đầu mối thẩm định:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tổ chức thẩm định các báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo đầu tư, bao gồm cả thẩm định tổng mức đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban Nhân dân tỉnh;

b) Các đơn vị được Ủy ban Nhân dân tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư theo Quy định này có trách nhiệm giao cho một đơn vị chuyên môn trực thuộc làm đầu mối tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo đầu tư theo quy định trước khi quyết định đầu tư.

c) Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện là đầu mối tổ chức thẩm định các báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo đầu tư được Ủy ban Nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban Nhân dân cấp huyện phê duyệt theo Quy định này và các báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban Nhân dân cấp huyện.

d) Bộ phận chuyên môn Ủy ban Nhân dân cấp xã là đầu mối tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban Nhân dân cấp xã.

2. Tổ chức thẩm định dự án đầu tư:

a) Cơ quan đầu mối tổ chức thẩm định dự án đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ dự

án lấy ý kiến của các cơ quan có trách nhiệm tham gia ý kiến thẩm định tổng mức đầu tư, thẩm định thiết kế sơ bộ đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định, đồng thời gửi lấy ý kiến của các cơ quan liên quan khác (nếu cần thiết).

b) Các cơ quan có trách nhiệm tham gia ý kiến về thẩm định thiết kế sơ bộ có trách nhiệm thẩm định: sự phù hợp của phương pháp xác định tổng mức đầu tư với đặc điểm, tính chất kỹ thuật và yêu cầu công nghệ của dự án đầu tư; tính đầy đủ, hợp lý và phù hợp với yêu cầu thực tế thị trường của các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư theo hồ sơ thiết kế sơ bộ trình thẩm định.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định tổng mức đầu tư của các cơ quan nêu trên, cơ quan đầu mối thẩm định dự án có trách nhiệm tổ chức thẩm định các tính toán về hiệu quả đầu tư (nếu có), xác định giá trị tổng mức đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

c) Nội dung tham gia ý kiến của các cơ quan liên quan phải rõ ràng trên cơ sở viện dẫn các quy định của Nhà nước và quan điểm của cơ quan tham gia ý kiến: nội dung đồng ý (phù hợp), nội dung không đồng ý (không phù hợp), nội dung cụ thể phải bổ sung hoàn chỉnh.

Sau thời gian lấy ý kiến theo quy định, nếu cơ quan được hỏi ý kiến không có văn bản tham gia ý kiến, được xem là thống nhất với nội dung dự án do cơ quan đầu mối thẩm định gửi.

d) Cơ quan đầu mối tổ chức thẩm định dự án có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan (bao gồm ý kiến về thẩm định thiết kế sơ bộ, ý kiến thẩm định tổng mức đầu tư) và thông báo kết quả thẩm định dự án bằng văn bản để chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ trình phê duyệt dự án. Trường hợp hồ sơ dự án đủ điều kiện theo quy định, cơ quan đầu mối thẩm định dự án lập báo cáo thẩm định và trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự án.

đ) Trường hợp hồ sơ dự án phải bổ sung hoàn chỉnh theo thông báo kết quả thẩm định dự án, chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ dự án, hồ sơ thiết kế sơ bộ và gửi cơ quan đầu mối tổ chức thẩm định dự án tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tổ chức thẩm định báo cáo đầu tư:

a) Chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế và dự toán của báo cáo đầu tư trước khi trình cơ quan đầu mối tổ chức thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đầu tư; trường hợp cần thiết thì có thể thuê tư vấn thẩm tra để làm cơ sở cho việc thẩm định;

b) Trường hợp điều chỉnh báo cáo đầu tư không làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu và không vượt tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư được phép tự điều chỉnh báo cáo đầu tư.

Điều 9. Thiết kế sơ bộ

1. Cơ quan đầu mối tổ chức thẩm định dự án gửi hồ sơ dự án tới các Bộ quản lý ngành để có ý kiến về thiết kế sơ bộ đối với các dự án đầu tư nhóm A.

2. Đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin nhóm B,C, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thẩm định thiết kế sơ bộ.

3. Đối với các dự án đầu tư không có xây dựng công trình nhóm B, C: các Sở

quản lý ngành có ý kiến tham gia về thiết kế sơ bộ hoặc danh mục mua sắm máy móc thiết bị lẻ.

4. Cơ quan xem xét thẩm định thiết kế sơ bộ có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản. Nội dung văn bản tham gia ý kiến phải rõ ràng (nội dung đồng ý, nội dung không đồng ý, nội dung phải bổ sung hoàn chỉnh cụ thể), gửi cho cơ quan đầu mối thẩm định dự án để tổng hợp, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt dự án.

5. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, theo dõi, sửa đổi và bổ sung, trình hồ sơ thiết kế sơ bộ của dự án đầu tư đến cơ quan đầu mối thẩm định dự án cùng với phân thuyết minh dự án theo quy định.

Điều 10. Thẩm quyền, phân cấp và ủy quyền thống nhất chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư

1. Thống nhất chủ trương đầu tư:

a) Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp thống nhất chủ trương đầu tư các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách do Ủy ban Nhân dân các cấp quản lý.

b) Phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Huế thống nhất chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư nhóm B, C thuộc nguồn vốn ngân sách cấp trên phân cấp cho thành phố Huế quản lý.

c) Phân cấp Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện, cấp xã thống nhất chủ trương các dự án đầu tư không có xây dựng công trình trong phạm vi ngân sách của địa phương mình (bao gồm cả các khoản bổ sung từ ngân sách cấp trên) có tổng mức đầu tư dưới 3 tỷ đồng (đối với cấp huyện) và dưới 1 tỷ đồng (đối với cấp xã).

d) Phân cấp Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện, cấp xã thống nhất chủ trương các dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong phạm vi ngân sách của địa phương mình (bao gồm cả các khoản bổ sung từ ngân sách cấp trên) có tổng mức đầu tư đến 05 tỷ đồng (đối với cấp huyện) và đến 03 tỷ đồng (đối với cấp xã).

2. Quyết định đầu tư:

a) Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định đầu tư các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Ủy ban Nhân dân tỉnh quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Ủy ban Nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý.

c) Phân cấp Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Huế quyết định đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, C thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp trên phân cấp cho thành phố Huế quản lý.

d) Phân cấp Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư các dự án đầu tư không có xây dựng công trình trong phạm vi ngân sách của địa phương mình (bao gồm cả các khoản bổ sung từ ngân sách cấp trên) có tổng mức đầu tư dưới 3 tỷ đồng (đối với cấp huyện) và dưới 1 tỷ đồng (đối với cấp xã).

đ) Phân cấp Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư các dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong phạm vi ngân sách của địa phương mình (bao gồm cả các khoản bổ sung từ ngân sách cấp trên) có tổng mức đầu tư đến 05 tỷ

đồng (đối với cấp huyện) và đến 03 tỷ đồng (đối với cấp xã).

e) Ủy quyền Giám đốc các Sở quản lý ngành quyết định đầu tư các dự án đầu tư thuộc vốn sự nghiệp ngành do mình quản lý.

g) Ủy quyền các chủ đầu tư quyết định đầu tư các dự án có tổng mức đầu tư dưới 100 triệu đồng sau khi có thống nhất chủ trương của người có thẩm quyền (hoặc người được phân cấp, ủy quyền) theo Quy định này.

Điều 11. Điều chỉnh dự án

1. Dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước trên 30% đã được quyết định đầu tư chỉ được điều chỉnh theo quy định của Chính phủ.

2. Trường hợp điều chỉnh dự án có tổng mức đầu tư vượt mức vốn được ủy quyền quyết định đầu tư theo Quy định này, cơ quan quyết định đầu tư phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh chấp thuận trước khi phê duyệt điều chỉnh. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra, tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận.

3. Đối với các dự án thuộc đối tượng phải giám sát, đánh giá đầu tư nhưng chưa thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định thì không được phép quyết định điều chỉnh dự án đầu tư.

Điều 12. Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán

a) Chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế - dự toán của báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của Chính phủ và gửi văn bản phê duyệt đến cơ quan quyết định đầu tư, cơ quan thẩm định thiết kế sơ bộ và cơ quan đầu mối tổng hợp kế hoạch đầu tư trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt.

b) Đối với dự án mua sắm trang thiết bị, máy móc, cây trồng, vật nuôi,... chủ đầu tư phải tổ chức thẩm định giá để làm cơ sở phê duyệt dự toán.

Điều 13. Quản lý đấu thầu

1. Việc triển khai công tác đấu thầu phải thực hiện đúng các quy định của Luật Đấu thầu, Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí và các Nghị định, văn bản hướng dẫn thực hiện có liên quan. Nội dung, thời hạn phê duyệt các nội dung trong công tác đấu thầu, thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh thực hiện quản lý Nhà nước về đấu thầu; chịu trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện các nội dung về công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; kiểm tra, thanh tra và tổng hợp báo cáo công tác đấu thầu các dự án đầu tư thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

Các Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện là cơ quan đầu mối về quản lý đấu thầu các dự án đầu tư do Ủy ban Nhân dân cấp huyện phê duyệt.

2. Hồ sơ mời thầu được phát hành khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Kế hoạch đấu thầu được duyệt.

b) Hồ sơ mời thầu được duyệt.

c) Thông báo mời thầu hoặc danh sách nhà thầu được mời tham gia đấu thầu đã được đăng tải theo quy định tại Điều 5 của Luật Đấu thầu.

3. Thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hủy, đình chỉ hoặc không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, giải quyết kiến nghị đấu thầu:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối thẩm định kế hoạch đấu thầu trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt; tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định việc hủy, đình chỉ hoặc không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án đầu tư do Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định đầu tư;

Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư làm Chủ tịch Hội đồng tư vấn cấp địa phương để giải quyết kiến nghị đấu thầu các gói thầu sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện là cơ quan đầu mối thẩm định kế hoạch đấu thầu trình Ủy ban Nhân dân cấp huyện phê duyệt, tham mưu Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định việc hủy, đình chỉ hoặc không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án đầu tư do Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư.

c) Bộ phận chuyên môn Ủy ban Nhân dân cấp xã là cơ quan đầu mối thẩm định kế hoạch đấu thầu trình Ủy ban Nhân dân cấp xã phê duyệt, tham mưu Ủy ban Nhân dân cấp xã quyết định việc hủy, đình chỉ hoặc không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án đầu tư do Ủy ban Nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

4. Thẩm quyền thẩm định về đấu thầu các dự án do Ủy ban Nhân dân tỉnh làm chủ đầu tư (chủ dự án):

a) Giao Sở quản lý ngành thẩm định hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu) các gói thầu thuộc chuyên ngành mình quản lý.

b) Giao Sở Tài chính thẩm định hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu) các gói thầu mua sắm thiết bị, hàng hóa, dịch vụ (thiết bị y tế, giáo dục, bảo hiểm, ...).

c) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch đấu thầu; hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu các gói thầu liên quan nhiều chuyên ngành; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu và tham mưu xử lý tình huống đấu thầu trình Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định.

5. Trường hợp Ủy ban Nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư, Ủy ban Nhân dân cấp huyện giao trách nhiệm cho các phòng chuyên môn phù hợp để tổ chức thẩm định các nội dung về đấu thầu để quyết định phê duyệt.

6. Thẩm quyền, trách nhiệm của chủ đầu tư về đấu thầu:

a) Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu), phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, quyết định tình huống xử lý đấu thầu.

b) Tổ chức thẩm định kế hoạch đấu thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư trình người đứng đầu cơ quan chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch đấu thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

c) Giao cho tổ chức, cá nhân thuộc cơ quan mình việc tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định hồ sơ yêu cầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc thuê tổ chức tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm để thẩm định theo quy định.

d) Gửi các quyết định phê duyệt liên quan công tác đấu thầu đến Sở Kế hoạch và Đầu tư và phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện để theo dõi, kiểm tra và tổng hợp báo cáo về đấu thầu trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt.

Điều 14. Công tác giám sát, đánh giá đầu tư

Thực hiện theo quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh về công tác quy hoạch và

quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Xử lý chuyển tiếp

Đối với các dự án đầu tư có các thủ tục đã được cấp có thẩm quyền thẩm định, thống nhất chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư trước ngày Quy định này có hiệu lực thì các thủ tục đã được thẩm định, thống nhất chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư không phải thực hiện lại, các công việc tiếp theo được thực hiện theo quy định tại Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Ngoài các nội dung quy định cụ thể tại Quy định này, công tác quản lý các dự án đầu tư trong phạm vi điều chỉnh của quy định này còn phải thực hiện theo đúng các quy định có liên quan khác của pháp luật hiện hành.

2. Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, căn cứ trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành, chủ trì tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh rà soát điều chỉnh, bổ sung và phê duyệt, hướng dẫn cụ thể quy trình thực hiện các thủ tục hành chính, các công việc thuộc thẩm quyền Ủy ban Nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh và Giám đốc các Sở đối với các công việc thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này; hướng dẫn các chủ đầu tư quy trình thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan quản lý nhà nước, các chủ đầu tư phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Cao